TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/HC-PT
Ngày: 29-3-2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường khi thu hồi đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hà Văn Hừng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 360/2021/TLPT-HC ngày 14/12/2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường khi thu hồi đất" do Bản án hành chính sơ thẩm số 1236/2021/HC-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 448/2023/QĐ-PT ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân Quận 2 (Nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (Nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội).

Địa chỉ trụ sở: Số 168 đường Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Hoàng Anh T2, sinh năm 1978; Phó Trưởng phòng tiếp dân, ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị B; Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B; Văn bản trả lời số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Quận 2 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - Sau đây viết tắt là UBNDTP Thủ Đức); buộc UBNDTP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông Phạm Văn T, với lý do cụ thể như sau:

Nguồn gốc nhà và đất do ông Phạm Văn T quản lý sử dụng được ông Phạm Văn L cho theo *Giấy cho nhà đất* ngày 01/05/1997. Theo Bản đồ địa chính phường An Khánh đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ 35, diện tích 304,9m^2, loại đất T, người quản lý, sử dụng là Phạm Văn T. Theo Bản vẽ hiện trạng ngày 14/7/2004 thể hiện khuôn viên đất giải tỏa có diện tích 235,97m^2 thuộc một phần thửa số 4,5,6 Tờ Bản đồ số 35 (Bản đồ đo 2002), phần nhà có diện tích 41,22m^2 chủ hộ là ông Phạm Văn T.

Công văn số 5983/VPĐK-KTĐC ngày 21/5/2019 và số 9886/VPĐK-KTĐC ngày 05/08/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bà Phạm Thị B sử dụng 224,3m^2 đất thuộc thửa số 4; ông Phạm Văn T sử dụng đất có diện tích 304,9m^2, loại đất T, thuộc thửa số 5, Tờ bản đồ số 35 phường An Khánh được đo vẽ vào tháng 4/2002.

Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2004 đã căn cứ Bản đồ địa chính phường An Khánh tháng 4/2002 và xác định người sử dụng nhà, đất là Phạm Văn T, địa chỉ thường trú 23/6 (hộ ghép), tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 với hiện trạng nhà với tổng diện tích xây dựng trệt là 41,22m^2, có ranh bao là rào kẽm gai, cột bê tông cốt thép. Như vậy ông T quản lý, sử dụng nhà đất từ 1997, đã được phân định rõ ràng với những chủ sử dụng khác và trước thời điểm UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 1997/QĐ-UBND ngày 10/05/2002 về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Khoản 7 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về Điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất quy định: *"Người nhận chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đất đó của người sử dụng thuộc đối tượng có đủ một trong các điều kiện quy*

định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ". Phần nhà đất có nguồn gốc do ông Phạm Văn L tạo lập trước 1975 và cho con là ông T quản lý sử dụng từ năm 1997, như vậy phù hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 6 Nghị định 22/1998/NĐ-CP: *"Đất đã sử dụng ổn định trước ngày 08 tháng 01 năm 1988 được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận"*. Do đó là đối tượng được đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất.

Ông T thực hiện nghĩa vụ quân sự từ tháng 03/2003 đến tháng 01/2005 (Quyết định số 31/QĐ ngày 31/1/2005 của Tham mưu trưởng Bộ CHQS TP. Hồ Chí Minh). Do vậy tại thời điểm lập bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 14/7/2004 phần nhà đất có diện tích 235,07m^2 tại 23/6 tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 đã được bà Phạm Thị B ký thay và xác định đất do ông T sử dụng từ 1997 không có ai tranh chấp, đã được cập nhật trên bản đồ địa chính phường An Khánh. Việc bà B ký thay trên bản vẽ hoàn toàn khách quan và không làm thay đổi người sử dụng nhà, đất.

Sổ hộ khẩu do Công an Quận 2 cấp ngày 14/7/2011 và Giấy chứng minh nhân dân do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/1997 thể hiện ông Phạm Văn T cư trú tại 23/6 đường Lương Đình Của, Khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 từ ngày 8/5/1979.

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: "Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nêu tại khoản này mà đất đó nằm trong quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có quyết định thu hồi đất để thực hiện quy hoạch đó thì vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phải chấp hành đúng các quy định về xây dựng. Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện quy hoạch xây dựng thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải chấp hành quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được đền bù thiệt hại về đất, tài sản có trên đất theo quy định của pháp luật". Điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ-CP quy định: "Giấy tờ về thừa kế nhà đất; tặng, cho nhà đất được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận và đất đó không có tranh chấp". Ông T có giấy tờ cho nhà đất của ông Phạm Văn L nhưng chưa được xác nhận do Chỉ thị 34/2001/CT-UB ngày 20/12/2001 không cho. Tuy nhiên, tại Điều 5 Chỉ thị 34/2001/CT-UB quy định: "Giao Giám đốc Sở Địa chính-Nhà đất, Kiến trúc sư Trưởng thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 căn cứ theo quy hoạch được duyệt phối hợp thực hiện trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày ban hành Chỉ thị này, hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc xác định ranh giới Khu đô thị mới Thủ Thiêm trên mặt đất, mặt nước và công khai quy hoạch bằng các hình thức để nhân dân biết và thực hiện", sau đó diện tích nhà đất ông T quản lý, sử dụng đã được cập

nhật trên Bản đồ địa chính phường An Khánh và không có ai tranh chấp. Như vậy ông T đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xác nhận số 2205/UBND ngày 22/10/2009 của UBND phường An Khánh căn cứ vào các bản vẽ hiện trạng vị trí của ông T, bà T3, bà B được lập ngày 14/7/2004 để xác định việc chia tách sau năm 2002 và nhập hồ sơ bồi thường của ông T vào hồ sơ bồi thường của bà B nhưng không căn cứ bất kỳ quy định nào là sai, có sự mâu thuẫn nghiêm trọng.

Xác nhận số 2205/UBND ngày 22/10/2009 và Xác nhận số 2202/UBND ngày 06/12/2010 xác định diện tích giải tỏa của bà B là 493,57m^2 nhưng Bảng chiết tính số 4040/AK ngày 21/01/2010 đính kèm Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 lại xác định tổng diện tích bồi thường cho bà B là 704,95m^2, như vậy là không đúng diện tích đất thu hồi.

Tại thời điểm UBND Quận 2 ban hành Quyết định 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 thì Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 có hiệu lực thi hành. Ông T không thuộc bất kỳ trường hợp vi phạm nào được nêu tại khoản 4 Điều 14, đồng thời tại Bản vẽ hiện trạng ngày 14/7/2004 trên đất có nhà ở với tổng diện tích là 41,22m^2. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 của Nghị định ông T thuộc trường hợp được bồi thường.

Ông Phạm Văn L tạo lập nhà đất trước năm 1975 và xây nhà sau năm 1982, có đăng ký kê khai nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 và cho con ruột là ông T từ năm 1997, đã cập nhật trên bản đồ địa chính năm 2002. Ông T quản lý, sử dụng nhà, đất tại 23/6 tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 và không có ai tranh chấp. Như vậy, ông T thỏa mãn các điều kiện để được tách hồ sơ bồi thường theo quy định tại khoản 2.5 Quyết định 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006.

Theo quy định tại Điều 2, Điều 5 của Chỉ thị 34/2001/CT-UB ngày 20/12/2001 thì Ủy ban nhân dân phường sẽ không thực hiện xác nhận trên các hồ sơ giấy tờ nhà, đất đồng thời duy trì hiện trạng sử dụng. Như vậy với việc không được xác nhận, yêu cầu duy trì hiện trạng sử dụng nhà, đất và thực hiện đo đạc theo Chỉ thị 34/2001 từ ngày 21/12/2001 và sau đó ghi nhận tên ông T trên Bản đồ địa chính phường An Khánh, có đủ cơ sở để cho thấy ông T đã quản lý, sử dụng phần nhà đất được cho trước thời điểm 20/12/2001.

Văn bản số 2152/UBND-TTr ngày 24/05/2017 của UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã từ chối xem xét giải quyết khiếu nại yêu cầu lập hồ sơ bồi thường riêng cho phần đất ông T đứng tên, trên cơ sở căn cứ đã giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B theo Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/5/2011, đồng thời yêu cầu ông T cung cấp tài liệu chứng minh được cho lại nhà, đất từ ông L và có thực tế sử dụng trước ngày 20/12/2001. Việc từ chối của UBND Quận 2 là không đúng quy định bởi ông T được ông L tặng cho và đã quản lý sử dụng từ năm 1997, đến năm 2002 được cập nhật trên Bản đồ địa chính phường An Khánh. Văn bản trên được ban hành không đúng thẩm quyền vì theo quy định pháp luật Chủ tịch UBND Quận 2 mới có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Văn bản số 2152/UBND-TTr ngày 24/05/2017 của UBND Quận 2 căn cứ Chỉ thị 34/2001/CT-UB đã bị bãi bỏ từ ngày 15/12/2016 theo Quyết định 49/2016/QĐ-UB ngày 05/12/2016 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu ông T cung cấp chứng cứ chứng minh sử dụng trước 21/12/2001 là không đúng. Đồng thời Chỉ thị 34/2001/CT-UB cũng không phù hợp quy định tại Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thẩm quyền xác nhận giấy tờ tặng cho nhà, đất của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Quyết định 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 của Chủ tịch UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bồi thường và tái định cư đối với bà Phạm Thị B, là chủ sử dụng căn nhà 23/7F, tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 là sai thẩm quyền vì theo quy định tại Điều 44 Luật đất đai 2003 thì UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh mới có thẩm quyền ban hành Quyết định bồi thường và tái định cư đối với bà B chứ không phải Chủ tịch UBND Quận 2.

Tại các Văn bản số 4937/UBND-BBT ngày 04/12/2017, số 196/UBND-BBT ngày 18/01/2021 và số 2488/UBND-BBT ngày 12/5/2021 người bị kiện có ý kiến như sau:

Căn nhà giải tỏa số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 và đất khuôn viên có diện tích 704.95m² (trong đó 210.82m² bà B được cha là ông Phạm Văn L chia tách sau năm 2002 và 0.56m² là hẻm), thuộc một phần thửa số 687, 690, 691, tờ bản đồ thứ 1, xã An Khánh, huyện Thủ Đức (theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 4, 5, 6 và hẻm, tờ bản đồ số 35, phường An Khánh, Quận 2 (theo BĐĐC năm 2002) do bà Phạm Thị B là chủ sử dụng.

Tổng diện tích khuôn viên giải tỏa: 493,57m^2, trong đó ngoài phần nhà xây dựng trước ngày 16/9/1998, phần diện tích còn lại do gia đình bà B sử dụng làm sân, nhà tắm, lối đi trước ngày 16/9/1998.

Theo Xác nhận số 2205/UBND ngày 22/10/2009; xác nhận bổ sung số 245/UBND ngày 20/01/2010 và số 2202/UBND ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân phường An Khánh đối với căn nhà số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 với nội dung như sau:

"Nguồn gốc đất do ông Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975, nhà tự xây dựng sau năm 1982. Đến năm 1985, ông L cho con là bà Phạm Thị B sử dụng. Nhập toàn bộ diện tích nhà, đất trong bản vẽ hiện trạng của bà Phạm Thị T3 và ông Phạm Văn T do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 14/7/2004 vào hồ sơ di dời của bà Phạm Thị B. Không công nhận diện tích 0,56m² do đo đạc lấn hẻm, diện tích 49,82m² (phần số (4) trong bản vẽ bà B), diện tích 82,84m² (phần số (4): 38,24m², số (5): 44,6m² trong bản vẽ bà T3) và diện tích 78,16m² (phần số (6): 4,09m², số (5): 74,07m² trong bản vẽ ông T) do chia tách sau năm 2002. Vật kiến trúc ô số (4) diện tích 14,75m² trong bản vẽ ông T xây dựng sau năm 2002. Kê khai nhà, đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB ngày 11/6/1999 do bà Phạm Thị B đứng tên, diện tích khuôn viên và xây dựng chênh lệch so với hiện trạng bồi thường do kê khai không chính xác. Diện tích giải tỏa của bà Phạm Thị B là 493,57m² sử dụng ổn định không tranh chấp".

Ngày 09/3/2010, Hội đồng Bồi thường Khu đô thị mới Thủ Thiêm lập Bảng chiết tính số 4040/AK đối với bà B như sau:

A. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993: 200m² x 2.364.000đ/m² x 1,0 = 472.800.000 đồng.

- Đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 ngoài hạn mức: 18,07m² x 2.300.000đ/m² x 1,0 = 41.561.000 đồng.

- Đất nông nghiệp trong khuôn viên đất ở: 181.93m² x 2.380.000đ/m² x 0,3 = 129.898.020 đồng.

- Đất san lấp: 93,57m² x 200.000đ/m² x 1,0 = 18.714.000 đồng.

- Chia tách sau năm 2002 (không bồi thường): 210,82m².

- Hẻm (không bồi thường): 0,56m².

B. Công trình xây dựng, vật kiến trúc: 49.443.000 đồng.

C. Trang thiết bị và tài sản khác: 4.400.000 đồng.

D. Bồi thường cây trồng, hoa màu: 0 đồng.

E. Các khoản hỗ trợ khác: 5.000.000 đồng

F. Về chính sách tái định cư:

1. Đối với đất ở:

1.1 Trường hợp tái định cư: Diện tích tiêu chuẩn tái bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư là: 200,00m^2 *(Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định)*.

1.2 Trường hợp không nhận tái định cư được hỗ trợ bằng tiền: 200,00m^2 x 16.000.000 đồng/m^2 = 3.200.000.000 đồng.

2. Đối với đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp được quy đổi: 93,57m^2 x 4,5% = 4,21065m^2. Không đủ điều kiện mua căn hộ chung cư được hỗ trợ bằng tiền: 4,21065m^2 x 16.000.000 đ/m^2 = 67.370.400 đồng.

- Trường hợp chọn phương thức tái định cư đối với đất ở, diện tích đất nông nghiệp quy đổi không đủ điều kiện tái định cư được nhận hỗ trợ bằng tiền là: 789.186.820 đồng. Được tái bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là 200,00m^2.

- Trường hợp chọn phương thức nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư thì tổng số tiền được nhận là 3.989.186.820 đồng.

Ngày 15/3/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 3199/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Phạm Thị B với số tiền là 789.186.820 đồng.

- Về tái định cư: được bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là 200,00m².

- Khi bố trí nền đất hoặc chung cư cụ thể theo thiết kế quy hoạch được duyệt sẽ được tính bù trừ bằng tiền phần diện tích chênh lệch theo quy định.

Ngày 18/10/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 13752/QĐ-UBND về bố trí tái định cư nền đất đối với bà Phạm Thị B.

Ngày 18/10/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 13933/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồ đất đối với bà Phạm Thị B.

Ngày 10/01/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 13933/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Ngày 13/4/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 4484/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung từ chính sách tái định cư đối với bà Phạm Thị B. *(Đính kèm bảng chiết tính số 4040/AK-BS ngày 24/3/2011).*

Ngày 25/4/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 5182/QĐ-UBND về việc thưởng do chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng đối bà Phạm Thị B.

Không đồng ý với Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/3/2010 của Chủ tịch UBND Quận 2, bà B gửi đơn khiếu nại.

Ngày 17/5/2011, Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị B với nội dung: *"Điều 1: Sửa đổi Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/3/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.*

- Bác nội dung bà Phạm Thị B khiếu nại yêu cầu được tách phần nhà, đất có diện tích 235,07m² (theo bản vẽ hiện trạng do ông Phạm Văn T đứng tên) và phần nhà, đất có diện tích 235,04m² (theo bản vẽ hiện trạng do bà Phạm Thị T3 đứng tên) thành 02 hồ sơ bồi thường riêng.

- Công nhận nội dung đơn bà Phạm Thị B khiếu nại yêu cầu được bồi thường đủ 200m² đất ở ngoài hạn mức. Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm chiết tính bồi thường bổ sung phần đất có diện tích ***181,93m²*** *(đủ 200m² đất ở ngoài hạn mức có thời điểm sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993) cho hộ bà B theo quy định…".*

Ngày 30/5/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 6884/QĐ-UBND-TTr về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Phạm Thị B với số tiền là: 288.540.980 đồng.

Ngày 11/7/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 8807/QĐ-UBND về thu hồi tiền hỗ trợ đồng hồ điện đối với bà B.

Ngày 19/3/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 3621/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà B.

Bà Phạm Thị B đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư nêu trên.

Ngày 22/11/2016, ông Phạm Văn T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Quận 2 yêu cầu được giải quyết hồ sơ bồi thường riêng.

Ngày 24/5/2017, Ủy ban nhân dân Quận 2 có Công văn số 2152/UBND-TTr về trả lời đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T với nội dung: *"... Nay, ông T gửi đơn khiếu nại lại nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ nào chứng minh ông*

T được cha là ông Phạm Văn L cho lại nhà, đất và thực tế ông T có sử dụng nhà, đất thời điểm trước ngày 20/12/2001. Do đó, đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T là không có cơ sở xem xét giải quyết".

2. Ý kiến của Chủ tịch UBNDTP Thủ Đức:

* Về căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

- Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002.

* Về áp dụng chính sách:

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm - UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể bằng các quyết định:

- Căn cứ Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ và tái định cư.

- Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại.

- Căn cứ Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002.

- Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về bồi thường hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung yêu cầu của người khởi kiện:

Việc ông Phạm Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/3/2010; Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/5/2011 và Công văn số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) là không có cơ sở giải quyết, bởi:

Căn nhà giải tỏa số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 và đất khuôn viên có diện tích 704.95m² (trong đó 210.82m² bà B được cha là ông Phạm Văn L chia tách sau năm 2002 và 0.56m² là hẻm), thuộc một phần thửa số 687, 690, 691, tờ bản đồ thứ 1, xã An Khánh, huyện Thủ Đức (theo tài liệu

299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 4, 5, 6 và hẻm, tờ bản đồ số 35, phường An Khánh, Quận 2 (theo BĐĐC năm 2002) do bà Phạm Thị B là chủ sử dụng.

Nguồn gốc đất do ông Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975, nhà tự xây dựng sau năm 1982. Đến năm 1985, ông L cho con là bà Phạm Thị B sử dụng. Năm 1999, toàn bộ căn nhà và đất nêu trên do bà Phạm Thị B đứng tên kê khai theo Quyết định số 3376/QĐ-UB ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố; ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị T3 không đứng tên kê khai.

Theo Biên bản xác minh hiện trạng ngày 05/10/2009 và Biên bản xác minh hiện trạng ngày 22/02/2010, xác định: *"Căn nhà do bà Phạm Thị B được ngăn ra làm 03 phần trong đó có 01 phần dùng để ở (là phần diện tích do bà Phạm Thị B đứng tên bản vẽ di dời), 02 phần còn lại (là phần diện tích do ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị T3 đứng tên bản vẽ di dời) sử dụng để làm nhà kho phục vụ công việc, không dùng mục đích để ở".*

Ngoài ra, bà B, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc chia tách nhà, đất cho ông Phạm Văn T. Do đó, trường hợp của ông T không đủ điều kiện được đứng tên hồ sơ bồi thường.

Việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Phạm Thị B là đúng theo chính sách quy định trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Đồng thời, ngày 24/3/2011 bà B đã đồng ý bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và đăng ký tái định cư nền đất tại khu 50ha phường Cát Lái, Quận 2.

Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định Khu đô thị mới Thủ Thiêm nhập toàn bộ phần nhà, đất có diện tích 235,04m² (theo bản vẽ hiện trạng do bà Phạm Thị T3 đứng tên) và phần nhà, đất có diện tích 235,07m² (theo bản vẽ hiện trạng do ông Phạm Văn T đứng tên) vào hồ sơ bồi thường của bà Phạm Thị B là phù hợp theo quy định tại Điểm 2.5, Khoản 2, Điều 2, Quyết định 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của UBND TP Hồ Chí Minh:

"b.4- Các trường hợp cha - mẹ - ông - bà tặng, cho nhà ở, đất ở cho con - cháu khi các con - cháu đã trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên tại thời điểm cho nhà, đất) trước ngày 20 tháng 12 năm 2001 (ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chỉ thị số 34/2001/CT-UB) đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm và trước ngày 22 tháng 4 năm 2002 (đối với các khu quy hoạch tái định cư): người tặng cho nhà, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, có đăng ký kê khai nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11 tháng 6 năm 1999; người được tương phân nhà, đất phải là con - cháu của chủ hộ, có tên trong hộ khẩu thường trú của cha - mẹ - ông - bà hoặc hộ ghép từ trước thời điểm tương phân, có nhà trên đất được cho và thực tế sống trên đó, cam kết không có tranh chấp với những người có quyền lợi liên quan và được Ủy ban nhân dân phường xác nhận thì được tách hồ sơ để tính bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất. Diện tích đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ là phần diện tích xây dựng nhà và công trình phục vụ đời sống theo thực tế nhưng không quá hạn mức 200m²/hộ".

Các Quyết định và văn bản nêu trên là đúng theo chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B có cùng ý kiến trình bày với ông T. Yêu cầu hủy Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010, Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 (nay là UBNDTP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh); hủy Văn bản trả lời số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017 của UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và buộc UBNDTP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông Phạm Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1236/2021/HC-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc hủy các quyết định và văn bản của Chủ tịch UBND Quận 2 (nay là UBNDTP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) gồm: Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với nhà và đất do bà Phạm Thị B sở hữu, sử dụng tọa lạc tại số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 có diện tích 704,95m^2; Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B; Văn bản trả lời số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017 về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn T. Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải lập hồ sơ bồi thường riêng đối với nhà và đất tại số 23/6 (hộ ghép) khu phố 3, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/12/2021 người khởi kiện ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Văn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ông Phạm Văn M trình bày: Hồ sơ của ông T bị nhập vào hồ sơ của bà B là thiệt thòi quyền lợi cho ông T vì trong bản đồ địa chính ông T cũng có hồ sơ tách thửa rồi. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phạm Hoàng Anh T2 trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975 và cho con là Phạm Thị B năm 1985, bao gồm luôn phần đất mà ông T yêu cầu, căn nhà của bà B ngăn làm 3 phòng, 1 phòng bà B ở và 2 phòng kia không dùng để ở nên trường hợp của ông T không đủ điều kiện để được bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Ông T không có gì chứng minh căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông T, các biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân phường An Khánh có nội dung xác minh hiện trạng nhà do bà B đứng tên hồ sơ bồi thường, Nhà nước lập phương án bồi thường cho bà B là đúng quy định. Trong diện tích bà B được bồi thường có căn nhà của ông T nhưng không có gì chứng minh quyền sở hữu nên không có căn cứ bồi thường cho ông T. Do vậy Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Văn T là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với nhà và đất do bà Phạm Thị B sở hữu, sử dụng tọa lạc tại số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 có diện tích 704,95m^2 và Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là UBNDTP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh); hủy Văn bản trả lời số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh đối với ông Phạm Văn T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông Phạm Văn T.

[2.2] Xét các Quyết định, Văn bản bị kiện:

[2.2.1] Về Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010:

[2.2.1.1] Vị trí, nguồn gốc đất và nhà tại số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 có diện tích 704,95m^2. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện đất có nguồn gốc do ông Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975 và cho con là Phạm Thị B sử dụng năm 1985.

[2.2.1.2] Đối tượng được bồi thường khi thu hồi đất:

Căn cứ *Giấy cho nhà đất* do ông L viết tay ngày 01/5/1997 có nội dung: *"Khu đất này do tôi tự khai phá từ năm 1958 và xây dựng nhiều căn liền nhau từ năm 1958 đến 1975. Nay con tôi là Phạm Văn T SN 1979 đã trưởng thành, tôi làm giấy này cho con tôi một căn nhà và phần đất trước sau nhà để con tôi sinh sống. Từ nay về sau, con tôi được quyền ở và sử dụng căn nhà và mảnh đất nói trên"*. Xét, *Giấy cho nhà đất* nói trên không được công chứng chứng thực, không có xác nhận của chính quyền địa phương về việc tặng cho, nội dung không thể hiện vị trí và diện tích cụ thể, ông T cũng không thực hiện việc đăng ký sử dụng đất theo quy định, không xây dựng công trình nào trên đất, không kê khai nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999. Thửa đất do bà Phạm Thị B kê khai.

Căn cứ sổ hộ khẩu lập ngày 10/3/1982 và sổ hộ khẩu lập ngày 14/7/2011 ông T chuyển đến 23/6, khu phố 3, phường An Khánh từ ngày 08/5/1979 và được cấp Chứng minh nhân dân ngày 29/7/1997. Những tài liệu trên thể hiện ông T có sinh sống tại địa chỉ trên nhưng không phải là cơ sở để xác định ông T được tách thửa, phân chia sử dụng riêng thửa đất trên.

Xét Bản đồ địa chính đo đạc tháng 4/2002 được UBND phường An Khánh xác nhận ngày 05/7/2002, Bản đồ địa chính theo tài liệu 2004 và Giấy xác nhận số 2202 ngày 22/10/2009 thể hiện ông T có ở tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 35, diện tích 304,9m^2, không phải là cơ sở xác định ông T đã thực hiện việc tách thửa sử dụng riêng.

Xét Tờ đăng ký nhà - đất ngày 10/9/1999 có chữ ký của bà Phạm Thị B thể hiện tiếp giáp tứ cận khu đất của bà B không có ông T. Tờ tường trình nguồn gốc nhà và đất ngày 24/8/2009 thể hiện bà B được ông L cho thửa đất trên năm 1985.

Xét Quyết định số 11988/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 thể hiện hộ ông Phạm Văn T có số thứ tự 792 thuộc danh sách các hộ dân phải điều chỉnh, di chuyển trong Khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm không phải là cơ sở xác định ông T thuộc đối tượng bị thu hồi đất.

Xét Biên bản tiếp xúc hiệp thương ngày 01/10/2010 và Biên bản thỏa thuận ngày 02/10/2010 thể hiện bà B ký xác nhận đồng ý về nguồn gốc, hiện trạng nhà đất; đơn giá bồi thường và các khoản hỗ trợ khác; đồng ý nhận tiền và đăng ký tái định cư theo quy định.

Xét Biên bản bàn giao mặt bằng giải tỏa ngày 24/3/2011 và Quyết định số 5182/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 khen thưởng do chấp hành tốt chủ trương chính sách bồi thường giải tỏa mặt bằng thể hiện bà Phạm Thị B đã nhận tiền bồi thường, đã thực hiện việc bàn giao mặt bằng và được khen thưởng. Như vậy, không có cơ sở xác định thửa đất trên đã được phân chia tách thửa cho ông T sử dụng riêng nên không thuộc đối tượng được lập hồ sơ bồi thường riêng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông T không chứng minh được việc được tặng cho đất sử dụng riêng và đã thực hiện phân chia tách thửa trước ngày Chỉ thị số 34/2001/CT-UB ngày 20/12/2001 của UBND TP Hồ Chí Minh có hiệu lực nên yêu cầu được lập hồ sơ bồi thường riêng là không có cơ sở. Như vậy, Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 xác định bà Phạm Thị B là người bị thu hồi đất và được bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.1.3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định :

- Căn cứ Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm; Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002 thể hiện phần đất ông T khởi kiện thuộc đối tượng bị UBNDTP Hồ Chí Minh thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- Chủ tịch UBND Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ các quyết định trên và Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch UBNDTP Hồ Chí Minh ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ và tái định cư; Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại; Căn cứ Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002; Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về bồi thường hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2 để ban hành Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với nhà và đất do bà Phạm Thị B sở hữu, sử dụng tọa lạc tại số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 có diện tích 704,95m^2 là đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai 1993, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ trong việc thu hồi đất do bà Phạm Thị B sử dụng.

[2.2.2] Về Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011:

Do không đồng ý với nội dung Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 về bồi thường hỗ trợ thiệt hại nên bà B khiếu nại yêu cầu được tách phần nhà, đất có diện tích 235,07m^2 theo bản vẽ hiện trạng do ông Phạm Văn T đứng tên và phần nhà, đất có diện tích 235,04m^2 theo bản vẽ hiện trạng do bà Phạm Thị T3 đứng tên thành hai hồ sơ bồi thường riêng hoặc được bồi thường đủ 200m^2 đất ở ngoài hạn mức theo quy định. Chủ tịch UBND Quận 2 căn cứ vào Luật Khiếu nại năm 2011, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính để ban hành Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011 giải quyết khiếu nại và đã công nhận nội dung khiếu nại của bà B yêu cầu được bồi thường đủ 200m^2 đất ở ngoài hạn mức. Như vậy Quyết định số 6252 là đã ban hành đúng

trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và đã giải quyết dứt điểm khiếu nại của bà Phạm Thị B.

[2.2.3] Về Văn bản số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017:

Xét nội dung văn bản thể hiện ông T khiếu nại nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ nào mới chứng minh đã được tặng cho nhà, đất và thực tế có phân chia tách thửa sử dụng riêng nhà, đất thời điểm trước ngày Chỉ thị số 34/2001/CT-UB ngày 20/12/2001 của UBNDTP Hồ Chí Minh có hiệu lực. Do đó Chánh văn phòng UBND Quận 2 thừa lệnh Chủ tịch UBND Quận 2 ký văn bản trả lời trên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên yêu cầu hủy văn bản 2152 của ông T là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Phạm Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1236/2021/HC-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc hủy các quyết định và văn bản của Chủ tịch UBND Quận 2 (nay là UBNDTP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) gồm: Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với nhà và đất do bà Phạm Thị B sở hữu, sử dụng tọa lạc tại số 23/7F tổ 42, khu phố 3, phường An Khánh, Quận 2 có diện tích 704,95m^2; Quyết định số 6252/QĐ-UBND-TTr ngày 17/05/2011 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B; Văn bản trả lời số 2152/UBND-TTr ngày 24/5/2017 về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn T. Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải lập hồ sơ bồi thường riêng đối với nhà và đất tại số 23/6 (hộ ghép) Khu phố 3, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Buộc ông Phạm Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001579 ngày 21/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Mười

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự (3);
- Lưu HS (2), VP(5) (15B). (LTTT).